

ĐA DẠNG THỰC VẬT QUÝ HIẾM TẠI KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN NA HANG, TỈNH TUYỀN QUANG

Trịnh Ngọc Bon¹, Phạm Quang Tuyến¹, Nguyễn Đức Tung²

¹*Viện Nghiên cứu Lâm sinh*

²*Chi cục Kiểm lâm Tuyen Quang*

TÓM TẮT

Nghiên cứu này được thực hiện tại Khu bảo tồn thiên nhiên Na Hang, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang. Đây là khu vực có hệ sinh thái đa dạng và phong phú với nhiều loài thực vật quý hiếm. Nghiên cứu nhằm đánh giá được tính đa dạng thực vật quý hiếm tại khu vực và xây dựng được dẫn liệu nhằm phục vụ công tác bảo tồn. Trong nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng phương pháp kê thừa, phỏng vấn và điều tra theo tuyến kết hợp với lập ô tiêu chuẩn tạm thời hình tròn diện tích 400m² để thu mẫu. Nghiên cứu được thực hiện trong năm 2013 và 2014 đã thu thập bổ sung được 195 loài so với 1162 loài đã công bố của Nguyễn Nghĩa Thìn (2006) đã đưa tổng số loài đã ghi nhận được là 1357 loài thực vật bậc cao có mạch. Trong đó, 74 loài thực vật quý hiếm chiếm 5,45% số loài ghi nhận tại Na Hang, thuộc 60 chi, 40 họ của 3 ngành thực vật bậc cao có mạch. Số lượng loài nằm trong Sách đỏ Việt Nam 2007 có 62 loài, 25 loài thuộc Nghị định số 32/2006 và 10 loài theo tiêu chuẩn IUCN 2014. Có 9 dạng sống được ghi nhận, nhiều nhất là nhóm cây gỗ với 43 loài, tiếp đến là nhóm cây cỏ có 26 loài, nhóm cây bụi có 3 loài và thấp nhất là nhóm dây leo có 2 loài. Về giá trị sử dụng có 38 loài có giá trị lấy gỗ, 34 loài có giá trị về mặt dược liệu, 15 loài có giá trị làm cảnh, 9 loài có giá trị làm thực phẩm, 7 loài cho tinh dầu, 3 loài cho ta nhai chất nhuộm, 1 loài có giá trị xây dựng và 1 loài có chất độc. Nghiên cứu đã chỉ ra được số loài cây quý hiếm, có giá trị, công dụng các nhóm các loài cây quý hiếm. Kết quả nghiên cứu làm dẫn liệu quan trọng phục vụ công tác nghiên cứu, quản lý nhằm bảo tồn và phát triển thực vật quý hiếm tại Khu bảo tồn thiên nhiên Na Hang.

Từ khóa: Na Hang, thực vật quý hiếm, đa dạng thực vật, bảo tồn

The diversity of rare plants in Na Hang Nature Reserve, Tuyen Quang Province

The forests of Na Hang Nature Reserve, Tuyen Quang Province, have a rich and diverse flora that includes many valuable species. In this study, we combined surveys in 2013 and 2014 with previous references related to forest tree diversity in this area, especially the lists of flora in Na Hang Nature Reserve, to quantify the diversity in the reserve. There was a total of 1,357 vascular plant species, including 74 high - value tree species, which was equivalent to 5.45% of total species richness in Na Hang. There were 62 species on the Vietnam Red list (2007), 25 species on the Decree No 32/2006 list, and 10 species on the IUCN 2014 list. The species in Na Hang Nature Reserve belong to three vascular plant classes, and are distributed across 40 families and 60 different genera. These species distributed across nine life forms, with the predominant forms being woody plants (43 species), then herbaceous plants (26 species), shrubs (3 species), and climbers (3 species). In terms of resources, there are 38 species which can be used for timber; 34 species used for medicine; 15 species used for their aesthetics; nine species used for food; six species used for oil; three species used for tannins; one species that is used for its construction values and one species that is poisonous.

Key words: Na Hang Nature Reserve, rare species, vegetation diversity, conservation

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Khu bảo tồn thiên nhiên Na Hang nằm giữa 22°16' - 22°31' độ vĩ Bắc và 105°22' - 105°29' độ kinh Đông, hầu hết trên đá mẹ là đá vôi, độ cao từ khoảng 70m đến 1067m, trên địa bàn của 4 xã Sơn phú, Côn Lôn, Khau Tinh, Thanh Tương và một phần của thị trấn Na Hang. Với tổng diện tích khoảng 21.238,7ha trong đó: có khoảng 68% diện tích là rừng ẩm nhiệt đới ở tình trạng nguyên sinh hay chỉ thay đổi không đáng kể bởi tác động của cộng đồng dân cư; gần 70% thảm thực vật tự nhiên của khu vực là rừng trên núi đá vôi, xen lẫn là những phần nhỏ của các kiểu phụ rừng thường xanh trên đất thấp (Quyết định số 733/QĐ-UBND ngày 10/7/2014). Đây là khu vực có nhiều giá trị về đa dạng sinh học và bảo tồn. Na Hang được xếp là một trong 223 hệ sinh thái có tính đa dạng cao nhất thế giới. Hiện nay, việc làm đập thủy điện Na Hang đã có những tác động nhất định đến khu phân bố của các loài, nạn chặt phá rừng lấy gỗ (Nghién, Trai, Thiết đỉnh, Bách xanh núi đá,...) ảnh hưởng nghiêm trọng đến công tác quản lý tài nguyên thực vật trong khu vực. Thêm vào đó là tình trạng khai thác tận diệt các loài lâm sản ngoài gỗ mà đa số là các loài quý hiếm của người dân sống trong khu vực đã dần đẩy các loài vào nguy cơ tuyệt chủng. Vì vậy, việc xác định và đánh giá được thực trạng các loài thực vật quý hiếm làm cơ sở định hướng các giải pháp bảo tồn thực vật quý hiếm ở Khu bảo tồn thiên nhiên Na Hang, tỉnh Tuyên Quang là cần thiết.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Thực vật quý hiếm theo “Sách đỏ Việt Nam (2007)”, NĐ32/2006 và các loài theo tiêu chí của IUCN (2014).

Tất cả các loài thực vật bậc cao có mạch hiện có trong hệ sinh thái tự nhiên ở khu bảo tồn thiên nhiên Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp kế thừa: Kế thừa các tài liệu, bản đồ hiện trạng về rừng tự nhiên Na Hang và các báo cáo về thực vật có liên quan.

Phương pháp phỏng vấn: Thu thập thông tin về các loài cây quý hiếm thông qua việc phỏng vấn người quản lý, kiểm lâm và người dân sống gần khu bảo tồn.

Phương pháp điều tra: Lập tuyến điều tra cắt ngang các kiểu thảm thực vật hoặc sinh cảnh khác nhau. Trên tuyến, thống kê các loài thực vật đã gặp. Tiến hành điều tra 12 tuyến sao cho các tuyến đi qua tất cả các sinh cảnh, cắt ngang các địa hình điển hình, chiều rộng mỗi tuyến là 30m, chiều dài 3 - 5km.

- Trên các tuyến dài, cố định cứ 300m chiều dài thì lập 1 ôtc hình tròn diện tích 400m², bán kính 12,3m, để xác định loài, mật độ. Đo đếm cây tái sinh và cây bụi thảm tươi ô hình tròn diện tích 25m², bán kính 2,82m, để xác định tên cây.

- Phương pháp thu mẫu và xử lý mẫu vật: theo tài liệu “*Sổ tay hướng dẫn điều tra và giám sát đa dạng sinh học*” (Nguyễn Nghĩa Thìn, 1997).

- Xác định tên cây: Dựa vào các tài liệu phân loại đã có, tình trạng loài theo tài liệu: Cây cỏ Việt Nam (Phạm Hoàng Hộ, 1999 - 2000); Tên cây rừng Việt Nam (Bộ Nông nghiệp và PTNT, 2000); Cẩm nang tra cứu và nhận biết các họ thực vật hạt kín ở Việt Nam (Nguyễn Tiến Bân, 1997); *Tài nguyên cây gỗ Việt Nam* (Trần Hợp, 2002); Sách Đỏ Việt Nam phần Thực vật (Bộ khoa học và Công nghệ, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam, 2007); IUCN Redlist of Plants, 2014.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Danh lục các loài cây quý hiếm

Kế thừa danh lục thực vật 1162 loài đã được công bố năm 2006 (Nguyễn Nghĩa Thìn, 2006) và kết quả điều tra của nhóm nghiên cứu trong 2 năm 2013 và 2014 đã bổ sung thêm 195 loài, đưa tổng số loài thực vật bậc cao có mạch ở Khu bảo tồn thiên nhiên Na Hang cho đến nay là 1357 loài. Từ danh lục trên chúng

tôi thống kê được 74 loài thực vật quý hiếm chiếm 5,45% tổng số loài (có 24 loài được bổ sung), các loài thực vật quý hiếm nằm trong Sách đỏ Việt Nam 2007 là 62 loài chiếm 4,57% tổng số loài đã ghi nhận tại Na Hang, số loài nằm trong Nghị định 32/2006 là 25 loài chiếm 1,84% và các loài theo tiêu chí IUCN 2014 là 10 loài chiếm 0,74%. Kết quả được tổng hợp ở bảng sau:

Bảng 1. Danh sách các loài thực vật quý hiếm đã ghi nhận được ở Khu bảo tồn thiên nhiên Na Hang

TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam	Sách đỏ VN	NĐ32	IUCN	Dạng sống	Công dụng
I	Polypodiophyta	Ngành Dương xỉ					
1	Polypodiaceae	Ráng					
1	<i>Drynaria bonii</i> H.Christ	Cốt toái bồ bon ¹	VU			CPS	THU
II	Pinophyta	Ngành Hạt trần					
2	Cephalotaxaceae	Phi					
2	<i>Cephalotaxus mannii</i> Hook. f.	Đình tùng ²	VU	IIA		GOL	LGO THU
3	Cupressaceae	Hoàng đàn					
3	<i>Calocedrus rupestris</i> Aver. T.H.Nguyên & P.K.Lộc	Bách xanh núi đá ²			En	GOL	LGO
4	<i>Fokienia hodginsii</i> (Dunn) A.Henry & H H.Thomas	Phơ mu ¹	EN	IIA		GOL	LGO DTC
4	Cycadaceae	Tuế					
5	<i>Cycas brachycantha</i> K.D.Hill, H.T.Nguyen & P.K.Lộc	Thiên tuế ¹		IIA		GON	CAN
6	<i>Cycas diannanensis</i> Z.T.Guan & G.D.Tao	Tuế đá vôi ¹		IIA	VU	GON	CAN
7	<i>Cycas micholitzii</i> Dyer	Tuế xẻ ²	VU	IIA	VU	GON	CAN
5	Pinaceae	Thông					
8	<i>Pinus kwangtungensis</i> Chun et Tsiang	Thông pà cò ¹	VU	IA		GOT	LGO
6	Taxaceae	Thông đỏ					
9	<i>Taxus chinensis</i> (Pilg.) Rehd.	Thông đỏ bắc ²	VU			GON	LGO CAN
III	Magnoliophyta	Ngành Hạt kín					
A	Magnoliopsida	Lớp hai lá mầm					
7	Annonaceae	Na					
10	<i>Goniothalamus macrocalyx</i> Bân	Màu cau trắng ²	VU			GOT	LGO
11	<i>Xylopiá vielana</i> Pierre	Giền đỏ ¹	VU			GOT	THU LGO
8	Apocynaceae	Trúc đào					
12	<i>Rauwolfia verticillata</i> (Lour.) Baill.	Ba gác vòng ¹	VU			BUI	THU
9	Araliaceae	Ngũ da bì					

TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam	Sách đỏ VN	NĐ32	IUCN	Dạng sống	Công dụng
13	<i>Acanthopanax trifoliatum</i> (L.) Voss	Ngũ gia bì gai ¹	EN			BUI	THU AND
14	<i>Aralia chinensis</i> L.	Đình lăng trung quốc ¹			VU	GON	THU
10	Aristolochiaceae	Mộc thông					
15	<i>Aristolochia indica</i> L.	Sơn địch ¹	VU			DLT	THU
16	<i>Asarum balansae</i> Franch.	Hoa tiên ¹	EN	IIA		COD	THU
17	<i>Asarum caudigerum</i> Hance	Thỏ té tần ²	VU	IIA		COD	THU
18	<i>Asarum glarum</i> Merr.	Biển hoá ¹	VU	IIA		COD	THU
11	Bignoniaceae	Đinh					
19	<i>Fernandoa collignonii</i> (Dop) Steen.	Đinh collignon ¹	EN			GOL	LGO
20	<i>Markhamia stipulata</i> (Wall.) Seem.	Thiết đinh ¹	VU	IIA		GOL	LGO THU
12	Burseraceae	Trám					
21	<i>Bursera tonkinensis</i> Guillaumin	Rẫ ¹	VU			GOT	LGO
22	<i>Canarium tramdenum</i> Dai. & Yakovl.	Trám đen ¹	VU			GOL	LGO AND
13	Caesalpiniaceae	Vang					
23	<i>Erythrophleum fordii</i> Oliv.	Lim xanh ¹		IIA	EN	GOL	LGO DOC
14	Campanulaceae	Hoa chuông					
24	<i>Codonopsis javanica</i> (Blume) Hook. f.	Đẳng sâm ¹	VU	IIA		COL	THU ANQ
15	Clusiaceae	Bứa					
25	<i>Garcinia fragaeoides</i> A.Chev.	Trai lý ¹		IIA		GOL	LGO
16	Cucurbitaceae	Bầu bí					
26	<i>Actinostemma tenerum</i> Griff.	Xạ hừng mềm ¹	VU			COL	THU
17	Dipterocarpaceae	Dầu					
27	<i>Dipterocarpus retusus</i> Blume	Chò nâu ¹	VU		VU	GOL	LGO CAN
28	<i>Parashorea chinensis</i> Hsie Wang	Chò chỉ ¹			EN	GOL	LGO CAN
29	<i>Vatica subglabra</i> Merr.	Tấu nước ¹	EN			GOT	LGO
18	Ebenaceae	Thị					
30	<i>Diospyros mollis</i> Griff.	Mặc nưa ¹	EN			GOT	LGO AND
19	Fagaceae	Đẻ					
31	<i>Castanopsis cerebrina</i> (Hickel & A.Camus) Barnett	Sồi phẳng ²	EN			GOL	LGO
32	<i>Castanopsis formosana</i> (Skan) Hayata	Cà ổi đài loan ²	EN			GOL	LGO AND
33	<i>Castanopsis tessellata</i> Hickel & A.Camus	Cà ổi lá đa ¹	VU			GOL	LGO AND
34	<i>Lithocarpus bacgiangensis</i> (Hickel & A. Camus) A. Camus	Giẻ bắc giang ¹	VU			GOL	LGO TAN
35	<i>Lithocarpus balansae</i> (Drake) A. Camus	Sồi đá lá mác ²	VU			GOT	LGO AND

TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam	Sách đỏ VN	NĐ32	IUCN	Dạng sống	Công dụng
36	<i>Lithocarpus bonnetii</i> (Hickel & A.Camus) A.Camus	Đẻ đá tuyên quang ²	VU			GOL	LGO
37	<i>Lithocarpus hemisphaericus</i> Barnett	Đẻ bán cầu ²	VU			GOL	LGO TAN
38	<i>Quercus platycalyx</i> Hickel & A.Camus	Đẻ cau ²	VU			GOL	LGO
20	Juglandaceae	Hồ đào					
39	<i>Annamocarya sinensis</i> (Dode.) J.Leroy	Chò đái ¹	EN			GOL	LGO CTD
40	<i>Carya tonkinensis</i> Lecomte	Mạy châu ²	VU			GOT	LGO CTD
21	Lauraceae	Long não					
41	<i>Actinodaphne ellipticibacca</i> Kosterm.	Bộ quả bầu dục ²	VU		VU	GNB	LGO
42	<i>Cinnamomum balansae</i> H. Lecomte	Gù hương ²	VU	IIA	EN	GOL	LGO CTD
43	<i>Phoebe macrocarpa</i> C.Y.Wu	Rè trắng quả to ¹	VU		VU	GOT	LGO
22	Magnoliaceae	Ngọc lan					
44	<i>Michelia balansae</i> (A.DC.) Dandy	Giỏi lông ¹	VU			GOT	LGO AND
45	<i>Tsoongiodendron odorum</i> Chun	Giỏi thơm ²	VU			GOL	LGO CAN
23	Meliaceae	Xoan					
46	<i>Aglaia spectabilis</i> (Miq.) S.S.Jain & S.Bennet	Gội nếp ¹	VU			GOL	LGO
47	<i>Chukrasia tabularis</i> A.Juss.	Lát hoa ¹	VU			GOL	LGO
24	Menispermaceae	Tiết dê					
48	<i>Stephania dielsiana</i> Y.C. Wu	Củ dôm ²	VU	IIA		COL	THU
49	<i>Stephania japonica</i> (Thunb.) Miers	Thiên kim đằng ¹		IIA		COL	THU
50	<i>Stephania rotunda</i> Lour.	Củ bình vôi ¹		IIA		COL	THU
25	Myrsinaceae	Đơn nem					
51	<i>Ardisia silvestris</i> Pit.	Khôi tía ¹	VU			BUI	THU
26	Opiliaceae	Rau sắng					
52	<i>Melientha suavis</i> Pierre	Rau sắng ¹	VU			GON	AND THU
27	Polygonaceae	Rau răm					
53	<i>Fallopia multiflora</i> (Thunb.) Haraldson	Hà thủ ô đồ ¹	VU			COL	THU
28	Ranunculaceae	Mao lương					
54	<i>Thalictrum foliosum</i> DC.	Thỏ hoàng liên ¹	VU			COD	THU
29	Rubiaceae	Cà phê					
55	<i>Canthium dicoccum</i> (Gaernt.) Teysm. & Binn.	Xương cá ¹	VU			GOL	LGO
30	Sapotaceae	Hồng xiêm					
56	<i>Madhuca pasquieri</i> (Dubard) H.J. Lam.	Sén mặt ¹	EN			GOL	LGO CTD

TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam	Sách đỏ VN	Đ32	IUCN	Dạng sống	Công dụng
31	Styraceae	Bồ đề					
57	<i>Alniphyllum eberhardtii</i> Guillaum.	Bồ đề xanh ¹	EN			GOT	LGO
32	Tiliaceae	Đay					
58	<i>Burretiodendron hsienmu</i> W.Y.Chun & F.C.How	Nghiến ¹	EN	IIA		GOL	LGO TAN
B	Liliopsida	Lớp Một lá mầm					
33	Araceae	Ráy					
59	<i>Homalomena gigantea</i> Engl.	Thiên niên kiện ²	VU			COD	THU CTD
34	Arecaceae	Cau dừa					
60	<i>Calamus platyacanthus</i> Warb. & Becc.	Song mật ¹	VU			DLG	XAY DTC
35	Convallariaceae	Họ Mạch môn					
61	<i>Disporopsis longifolia</i> Craib.	Hoàng tinh hoa trắng ¹	VU	IIA		COD	THU CAN
62	<i>Ophiopogon tonkinensis</i> Rodr.	Xà bì bắc bộ ¹	VU			COD	THU
63	<i>Polygonatum kingianum</i> Coll. & Hemsl.	Hoàng tinh vòng ¹	EN			COD	THU
36	Dioscoreaceae	Củ nâu					
64	<i>Dioscorea colletii</i> Hook. f.	Từ cô let ¹	EN			COL	THU
37	Ochidaceae	Phong lan					
65	<i>Anoectochilus brevistylus</i> (Hook.f.) Ridley	Kim tuyến vòi ngắn ¹		IA		COD	THU CAN
66	<i>Anoectochilus calcareus</i> Aver.	Kim tuyến đá vôi ²	EN	IA		COD	THU CAN
67	<i>Anoectochilus lanceolatus</i> Lindl.	Kim tuyến thùy thon ¹		IA		COD	THU CAN
68	<i>Anoectochilus roxburghii</i> (Wall.) Wall.	Lan kim tuyến ²		IA		COD	THU CAN
69	<i>Dendrobium fimbriatum</i> Hook. f.	Kim điệp ¹	VU			CPS	THU CAN
70	<i>Nervilia fordii</i> (Hance) Schltr.	Thanh thiên quý ²	EN	IIA		COD	THU CAN
71	<i>Paphiopedilum malipoense</i> S.C.Chen & Z.H.Tsi	Hài xanh ²	EN	IA		COD	CAN
38	Stemonaceae	Bách bộ					
72	<i>Stemona pierrei</i> Gagnep.	Bách bộ Piere ¹	VU			COL	THU
39	Taccaceae	Râu hùm					
73	<i>Tacca integrifolia</i> Ker Gawl.	Ngải rơm ²	VU			COD	THU
40	Trilliaceae	Trọng lâu					
74	<i>Paris polyphylla</i> Smith	Bây lá một hoa ²	EN			COD	THU

Chú thích: ¹ Nguyễn Nghĩa Thìn, 2006, ² mới được bổ sung. GOL - cây gỗ lớn; GOT - cây gỗ trung bình; GNB - cây gỗ nhỏ hoặc bụi; BUI - cây bụi; DLG - dây leo thân gỗ; DLT - dây leo thân gỗ hoặc bụi trườn; COD - cỏ đứng; CPS - cỏ phụ sinh (bì sinh); LGO - lấy gỗ; THU - làm thuốc; CAN - làm cảnh; AND - ăn được; CTD - cho tinh dầu; DOC - cây có độc; TAN - cây cho ta nanh; XAY - Dùng trong xây dựng. 1. Theo sách đỏ Việt Nam phần II: EN - Nguy cấp; VU - Sắp nguy cấp, 2. Theo Nghị định số 32/2006/NĐ-CP: IA - Các thực vật bị nghiêm cấm khai thác và sử dụng vì mục đích thương mại; IIA - Các thực vật bị hạn chế khai thác và sử dụng vì mục đích thương mại, 3. Theo IUCN: EN - Đang bị nguy cấp; VU - Sắp nguy cấp.

Từ bảng danh lục các loài thực vật quý hiếm, đã xác định được tỷ trọng các loài quý hiếm

so với số lượng loài đã xác định được trong khu vực ta có bảng tổng hợp sau:

Bảng 2. Tỷ trọng các loài quý hiếm

Tên Taxon	Họ			Chi			Loài		
	Quý hiếm	Danh lục	Tỷ lệ (%)	Quý hiếm	Danh lục	Tỷ lệ (%)	Quý hiếm	Danh lục	Tỷ lệ (%)
Psilotophyta	0	1	0	0	1	0	0	1	0
Lycopodiophyta	0	2	0	0	3	0	0	5	0
Polypodiophyta	1	17	5,88	1	33	3,03	1	64	1,56
Gymnospermae	5	6	83,33	6	12	50	8	17	47,06
Angiospermae	34	140	24,29	53	517	10,25	65	1270	5,12
Tổng	40	166	24,1	60	566	10,6	74	1357	5,45

Từ bảng 2 ta thấy, có 2 ngành là ngành Lá thông (Psilotophyta) và ngành Thông đất (Lycopodiophyta) ở khu Bảo tồn Thiên nhiên Na Hang không có loài, chi và họ quý hiếm, nguy cấp nào. Trong khi đó ngành Hạt kín (Angiospermae) chiếm đa số 65/74 loài, 53/60 chi và 34/40 họ, tiếp theo là ngành Hạt trần (Gymnospermae) có 5 họ, 6 chi và 8 loài. Tỷ trọng này cho thấy các loài thực vật quý hiếm chủ yếu tập trung ở 2 ngành hạt kín và hạt trần.

3.2. Phân tích tính đa dạng các loài thực vật quý hiếm

3.2.1. Theo Sách Đỏ Việt Nam 2007

Kết quả nghiên cứu đã thống kê tại khu bảo tồn thiên nhiên Na Hang có 62 loài thực vật quý hiếm, trong đó có 18 loài nguy cấp và 44 loài sẽ nguy cấp:

- Trong 18 loài nguy cấp có 15 loài bị suy giảm một nửa quần thể như: Nghiến, Tù colet, Pơ mu, Sến mật, Ngũ gia bì gai, Bảy lá một hoa, Tấu nước, Mặc nưa, Hoàng tinh vòng,

Hoa tiên, Kim tuyến đá vôi và 3 loài có nơi cư trú dưới 500km² khu phân bố bị chia cắt nghiêm trọng như: Cà ổi đài loan, Chò đải, Đinh collignon.

- Trong 44 loài sẽ nguy cấp thì có 38 loài bị suy giảm 20% quần thể như: Gù hương, Dẻ cau, Chò nâu, Giỏi thom, Giỏi lông, Bộp quả bầu dục, Thiên niên kiện, Dẻ đá tuyên quang, Mạy châu, Trám đen, Ngải rơm, Thông pà cò, Đẳng sâm, Gội nếp, Đinh tùng, Thông đỏ bắc, Thỏ té tần, Rẻ trắng quả to,... và 6 loài có khu cư trú dưới 2000km² và khu phân bố bị chia cắt nghiêm trọng và suy giảm liên tục như: Thiết đỉnh, Rau sắng, Xà bì bắc bộ, Củ dòm, Bách bộ Piere, Kim điệp.

Kết quả trên cho thấy số lượng loài nguy cấp chiếm 18/62 loài (chiếm 29%), số lượng loài nguy cấp này chủ yếu là cây gỗ và cây thuốc.

Để thấy được mức độ đa dạng của các loài quý hiếm của khu bảo tồn thiên nhiên Na Hang so với một số khu vực lân cận được tổng hợp ở bảng sau:

Bảng 3. So sánh thực vật quý hiếm tại KBTTN Na Hang với các KBTTN và VQG

TT	Địa danh	Năm công bố	Loài quý hiếm Sách Đỏ Việt Nam 2007	Tổng số loài	Tỷ lệ (%)
1	VQG Xuân Sơn - Phú Thọ	2014	47	1259	3,7
2	VQG Ba Bể - Bắc Kạn	2012	28	909	3,1
3	KBTTN Chạm Chu - Tuyên Quang	2014	42	906	4,6
4	KBTTN Na Hang - Tuyên Quang	2014	62	1357	4,6
5	KBTTN Hang Kia - Pà Cò	2009	35	880	4,0
6	KBTTN Xuân Nha - Sơn La	2012	22	911	2,4
7	KBTTN Thần Sa - Phượng Hoàng - Thái Nguyên	2014	49	611	8,1
8	KBTTN Còpia - Sơn La	2012	18	492	3,6

(Theo nguồn báo cáo: Lê Trần Chấn, 2012; Lê Trần Chấn, 2012; Chi cục Kiểm lâm tỉnh Tuyên Quang, 2014; Phùng Văn Phê, Nguyễn Văn Lý, 2009; Quyết định số 733/QĐ-UBND; Nguyễn Thị Thoa, 2014).

Số loài thực vật quý hiếm được ghi nhận tại KBTTN Na Hang so với một số khu bảo tồn thiên nhiên có điều kiện sinh thái (núi đá vôi) và gần khu vực địa lý có số lượng cao nhất (62 loài), tỷ lệ số loài quý hiếm trong Sách đỏ Việt Nam 2007 so với danh lục thực vật đã ghi nhận tại mỗi địa điểm cũng ở mức cao với tỷ lệ 4,6% so với các khu vực khác. Số liệu này cho thấy Khu bảo tồn thiên nhiên Na Hang là một trong những khu vực có tính đa dạng cao về các loài cây quý hiếm ở Việt Nam.

3.2.2. Theo Nghị định số 32 năm 2006

Kết quả nghiên cứu đã thống kê được ở Khu bảo tồn thiên nhiên Na Hang 25 loài trên tổng số 52 loài thực vật theo Nghị định 32, chiếm 50% tổng số loài theo Nghị định 32. Trong đó: Có 6 loài nằm trong nhóm IA (Các loài thực vật bị nghiêm cấm khai thác và sử dụng vì mục đích thương mại) chiếm tỷ lệ 40% số loài nhóm IA như: Hải xanh, Kim tuyến đá vôi, Kim tuyến vôi ngắn, Kim tuyến thon, Lan kim tuyến, Thông pà cò; 20 loài nằm trong nhóm IIA (các loài thực vật bị hạn chế khai thác và sử dụng vì mục đích thương mại) như: Gù hương, Pơ mu, Nghiến, Đinh tùng, Trai lý,

Thiết đỉnh, Đẳng sâm, Củ bình vôi, Củ dôm, Thiên kim đằng, Hoa tiên, Biến hoá, Thổ tế tân, Hoàng tinh hoa trắng, Thanh thiên quỳ, Tuế xê,... Với số lượng và các loài nằm trong Nghị định 32 chiếm tỷ lệ lớn như ở trên cho thấy giá trị và mức độ đe dọa tài nguyên thực vật tại khu bảo tồn là rất lớn, cần có những giải pháp quản lý tích cực để bảo tồn và phát triển được các loài cây này.

3.2.3. Theo tiêu chí IUCN 2014

Theo bảng 1 có 10 loài (3,32% số loài) nằm trong danh lục của Sách đỏ thế giới 2014, trong đó:

- Các loài nằm trong nhóm nguy cấp (EN) có 4 loài Lim xanh, Bách xanh núi đá, Chò chi và Gù hương.

- Các loài nằm trong nhóm sẽ nguy cấp (VU) có 6 loài là Chò nâu, Bốp quả bầu dục, Rẻ trắng quả to, Đinh lăng trung quốc, Tuế xê và Tuế đá vôi.

Với 4 loài nguy cấp (EN) và 6 loài sẽ nguy cấp (VU) điều này một lần nữa khẳng định được giá trị, mức độ nguy cấp trong việc bảo tồn nguồn gen cũng như cần sự quan tâm của thế giới trong việc bảo tồn các loài thực vật trong khu vực.

3.3. Đa dạng về dạng sống và giá trị sử dụng

Dạng sống: Trong tổng số 74 loài quý hiếm có giá trị thì có 9 dạng sống đã được ghi nhận. Trong đó hơn một nửa là nhóm cây gỗ với 43 loài chiếm 58,10%, cây gỗ lớn 25 loài (33,78%), cây gỗ trung bình 11 loài (14,86%) và cây gỗ nhỏ 7 loài (9,46%). Tiếp đến là nhóm cây cỏ với 26 loài chiếm tỷ lệ 35,13% (Cỏ đứng 16 loài (21,62%), Cỏ leo 8 loài (10,813%) và cỏ phụ sinh 2 loài (2,7%)). Cây bụi với 3 loài (4,05) và chiếm tỷ lệ thấp nhất là nhóm dây leo với 2 loài 2,7% (Dây leo thân gỗ 1 loài (1,35%) và dây leo thân gỗ hoặc bụi trườn 1 loài (1,35%)).

Giá trị sử dụng: Các loài cây quý hiếm được sử dụng vào nhiều mục đích khác nhau. Đa số tập trung vào nhóm cây cho gỗ với 38 loài (51,35%) như: Nghiến, Trai, Lim xanh, Thiết đỉnh, Chò chỉ,... và nhóm cây làm thuốc 34 loài (45,95%) như: Đẳng sâm, Hoa tiên, Bảy lá một hoa, Hoàng tinh cách, Thanh thiên quỳ, Bách bộ, các loài kim tuyến,... Ngoài ra các loài còn được dùng làm cảnh với 15 loài (20,27%), các loài dùng làm thực phẩm (ăn được) 9 loài (12,16%), các loài cho tinh dầu 7 loài (9,46%), các loài cho ta nanh chất nhuộm 3 loài (4,05%), các loài dùng trong xây dựng 1 loài (1,35%) và cuối cùng là cây có chất độc 1 loài (1,35%).

Như vậy, đa số các loài quý hiếm là cây gỗ và ở mức nguy cấp bị người dân khai thác để lấy

gỗ làm trong xây dựng nhà cửa, đồ mỹ nghệ, làm nông cụ. Ngoài ra, các loài dược liệu đã bị người dân khai thác để làm thuốc hoặc sơ chế bán cho thương lái. Điều này ảnh hưởng rất lớn đến công tác bảo tồn thực vật quý hiếm tại khu vực.

IV. KẾT LUẬN

Kết quả điều tra và kế thừa các tài liệu đã xác định được ở Khu bảo tồn thiên nhiên Na Hang có 1357 loài thực vật bậc cao có mạch, trong đó có 74 loài thực vật quý hiếm thuộc 60 chi, 40 họ của 3 ngành thực vật bậc cao có mạch; Có 62 loài nằm trong Sách đỏ Việt Nam 2007, 25 loài nằm trong NĐ 32/2006 và 10 loài theo tiêu chí IUCN năm 2014; Có 9 dạng sống được ghi nhận, chiếm hơn một nửa là nhóm cây gỗ 43 loài (58,1%), nhóm loài cây cỏ 26 loài (35,13%), thấp nhất là nhóm dây leo 2 loài (2,7%); 38 loài (51,35%) có giá trị lấy gỗ, tiếp theo là nhóm cây có giá trị về dược liệu với 34 loài (45,95%). Kết quả điều tra cho thấy một số loài quý hiếm đang bị suy giảm nghiêm trọng về số lượng cá thể cũng như quần thể như: Bách xanh núi đá, Chò chỉ, Thiết đỉnh thì chỉ còn những cây có cấp kính dưới 20cm, một số loài lâm sản ngoài gỗ như: Bảy lá một hoa, Thanh thiên quỳ, Hải xanh,... với số lượng cá thể ít. Tuy nhiên, đây là những dẫn liệu quý phục vụ công tác nghiên cứu, quản lý nhằm bảo tồn và phát triển thực vật quý hiếm tại khu vực.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Tiên Bân, 1997. Cẩm nang tra cứu và nhận biết các họ thực vật hạt kín ở Việt Nam. Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội.
2. Bộ Khoa học và Công nghệ, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam, 2007. Sách đỏ Việt Nam (Phần II - Thực vật). Nxb. Khoa học tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội.
3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2000. Tên cây rừng Việt Nam. Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội.
4. Lê Trần Chấn, 2012. Báo cáo tổng hợp dự án “Điều tra đa dạng sinh học tại Khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Nha, Sơn La”. Dự án KFW7.
5. Lê Trần Chấn, 2012. Báo cáo tổng hợp dự án “Điều tra đa dạng sinh học tại Khu bảo tồn thiên nhiên Còpia, Sơn La”. Dự án KFW7.

6. Chi cục Kiểm lâm tỉnh Tuyên Quang, 2014. Quy hoạch Khu bảo tồn thiên nhiên Chạm Chu thuộc huyện Hàm Yên - Chiêm Hoá. Quy hoạch bảo tồn và phát triển bền vững các khu rừng đặc dụng tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020.
7. Chính phủ Việt Nam, 2006. Nghị định số 32/2006/NĐ-CP của Chính phủ, ngày 30 tháng 3 năm 2006 về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý hiếm.
8. Phan Kế Lộc, Phạm Văn Thế, L.V.Averyanov, Nguyễn Tiến Hiệp, 2013. Góp phần đánh giá giá trị bảo tồn thực vật ở khu dự trữ thiên nhiên Na Hang và hai điểm lân cận (huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang). Hội nghị Khoa học toàn quốc về Sinh thái và Tài nguyên sinh vật lần thứ 5.
9. Phạm Hoàng Hộ, 1999 - 2000. Cây cỏ Việt Nam (Tập 1, 2, 3). Nxb. Trẻ TP. Hồ Chí Minh.
10. Trần Hợp, 2002. Tài nguyên cây gỗ Việt Nam. Nxb. Nông Nghiệp, Hà Nội
11. IUCN Redlist of Plants, 2014.
12. Phùng Văn Phê, Nguyễn Văn Lý, 2009. Điều tra đánh giá sơ bộ hệ thực vật ở Khu bảo tồn thiên nhiên Hang Kia - Pà Cò, tỉnh Hoà Bình. Thuộc dự án Thí điểm tiếp cận thị trường tổng hợp nhằm hỗ trợ công tác bảo tồn thiên nhiên: Nâng cao đời sống cộng đồng vùng đệm để giảm thiểu tác động lên tài nguyên tại Khu bảo tồn thiên nhiên Hang Kia - Pà Cò, huyện Mai Châu, tỉnh Hoà Bình. Dự án này được tài trợ bởi Quỹ Blue Moon.
13. Quyết định số 733/QĐ-UBND ngày 10/7/2014 về việc phê duyệt Quy hoạch bảo tồn và phát triển bền vững Khu bảo tồn dự trữ thiên nhiên Na Hang đến năm 2020.
14. Nguyễn Nghĩa Thìn (chủ biên) & Đặng Quyết Chiến, 2006. Đa dạng thực vật Khu Bảo tồn thiên nhiên Na Hang, tỉnh Tuyên Quang. Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội.
15. Nguyễn Nghĩa Thìn 1997. Cẩm nang nghiên cứu đa dạng sinh vật. Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội.
16. Nguyễn Thị Thoa, 2014. Nghiên cứu tính đa dạng và đề xuất giải pháp bảo tồn thực vật thân gỗ trên núi đá vôi ở Khu bảo tồn thiên nhiên Thần Sa - Phượng Hoàng - Thái Nguyên. Luận án tiến sỹ nông nghiệp, Trường Đại học Thái Nguyên.

Người thẩm định: PGS.TS. Nguyễn Hoàng Nghĩa